

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HS-ST

Ngày 17/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hưng;

2. Bà Chu Thị Hồng Nhật.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2023/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Duy N**, sinh ngày 28/01/1968, nơi sinh: Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Đường C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Vũ Duy Y và bà Trần Thị L; vợ: Ngô Thị V; chưa có con; tiền án: Bản án số 108/2009/HSST ngày 27/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, chấp hành xong hình phạt ngày 02/3/2016; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 1709/HSST ngày 20/11/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, chấp hành xong án phạt tù ngày 01/10/2001, chấp hành

xong hình phạt bổ sung. Ngày 02/01/2019 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy bị xét xử tại Bản án số 98/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã chấp hành xong hình phạt ngày 02/3/2021, chấp hành xong án phí ngày 23/4/2019. Bị tạm giữ từ ngày 09/3/2023 đến ngày 12/3/2023 chuyển tạm giam đến nay.

2. Phạm Ngọc T, sinh ngày 31/12/1980, nơi sinh: Tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Duy N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; vợ: Lê Thị M; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 15/HSST ngày 18/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 tháng 02 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, đã chấp hành xong. Bị tạm giữ từ ngày 09/3/2023 đến ngày 12/3/2023 chuyển tạm giam đến nay.

*** Người chứng kiến:**

- Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1976, trú tại thôn S, xã V, thành phố T.
- Anh Lê Anh T, sinh năm 1992, trú tại thôn M, xã B, thành phố T.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt anh B, anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 09/3/2023, Vũ Duy N đi bộ từ chỗ ở đến khu vực cầu Đ thuộc địa phận phường Q, thành phố T với mục đích mua ma túy để bán kiếm lời. Tại đây, N gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ 03 gói ma túy với giá 300.000 đồng, rồi đi về chỗ ở. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi N đang ở nhà thì có Phạm Ngọc T đi bộ đến hỏi mua của N 400.000 đồng ma túy. N đồng ý bán ma túy và nhận 400.000 đồng của T cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi lấy trong túi quần bên phải đang mặc 02 gói ma túy đưa cho T, cùng lúc đó thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình phát hiện. Trước sự chứng kiến của anh Lê Anh T và anh Phạm Ngọc B, T tự giao nộp 02 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục ra giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là ma túy, loại Heroine vừa mua của N với giá 400.000 đồng để sử dụng cho bản thân. N tự giác giao nộp 01 gói được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, khai nhận đó là gói ma túy loại Heroine tàng trữ mục đích để bán kiếm lời và giao nộp 400.000 đồng cho tổ công tác, khai nhận đó là tiền bán 02 gói ma túy cho T mà có.

Bản kết luận giám định số 333/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật quản lý của Phạm Ngọc T gửi giám định là ma túy loại Heroine, có khối lượng 0,3700 gam. Mẫu vật quản lý của Vũ Duy N gửi giám định là ma túy loại Heroine, có khối lượng 0,1719 gam.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi vi phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSTPTB ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Duy N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Duy N mức án từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/3/2023. Phạt bổ sung từ 05 đến 07 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/3/2023.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng do bị cáo Vũ Duy N bán ma túy mà có.

* Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ. Bản kết luận giám định số 333/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến. Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 50 phút ngày 09/3/2023, tại khu vực đường C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an thành phố Thái Bình bắt quả tang Vũ Duy N có hành vi bán trái phép 0,3700 gam ma túy, loại Heroine cho Phạm Ngọc T lấy 400.000 đồng và tàng trữ trái phép 0,1719 gam ma túy, loại Heroine, mục đích để bán kiếm lời. Như vậy, tổng khối lượng Heroine N dùng để bán kiếm lời là 0,5419 gam.

Hành vi của bị cáo Vũ Duy N đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 251 Tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Duy N là người có nhân thân xấu, không có tiền sự, có 01 tiền án tại Bản án số 108/2009/HSST ngày 27/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 02/3/2016 chấp hành xong hình phạt chính, đến ngày 02/01/2019 phạm tội mới (chưa đủ 03 năm). Theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 70 và khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Ngọc T không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị tòa án đưa ra xét xử, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của các bị cáo và phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Mục đích bị cáo Vũ Duy N bán ma túy để kiếm lời, phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Không phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc T.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Số tiền 400.000 đồng bị cáo Vũ Duy N bán ma túy mà có, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số ma túy còn lại sau giám định là 0,4981 gam đây là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực cầu đá thuộc tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Vũ Duy N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội tàng trữ “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Duy N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/3/2023. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Duy N 05 (năm) triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 09/3/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng quản lý của bị cáo Vũ Duy N.

- Tịch thu tiêu hủy số Heroine còn lại sau giám định là 0,4981 gam trong 02 phong bì đều ghi số 333/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(Vật chứng của vụ án Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 22/6/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/7/2023)./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết